| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>HUYỆN B – TỈNH B | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 20/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/4/2019
V/v "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lâm
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Lớn.
Ông Nguyễn Văn Thành.
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Chúc– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2019 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Ngọc L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh B. (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc L trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn H cưới nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (huyện B, tỉnh B) vào ngày 22/11/2009. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, cùng đi buôn bán ở Đà Lạt, nhưng bị mất hết tiền nên vợ chồng cùng về quê sinh sống, cha mẹ ruột chị có cho một phần đất nhỏ cất nhà riêng ở, nhưng đến khi chị mang thai thì không còn hạnh phúc nữa nguyên nhân là do anh H đi làm có tiền nhưng không đưa cho chị, không lo cho vợ con. Khi chuyện làm ăn kinh tế thất bại gây

ra nợ nần thì anh H lại thường xuyên nhậu nhẹt, chị khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Từ năm 2015 thì vợ chồng chị sống ly thân, nhà ai nấy ở không còn quan tâm lẫn nhau nữa. Đến tháng 10/2016 thì anh H đi chấp hành án tại trại giam C về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 25/01/2019 (al) anh H ra tù. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Văn Ngọc Ân, sinh ngày 16/7/2011, hiện cháu Ngọc Ân đang sống với anh H. Nay ly hôn, chị đồng ý để con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

* *Trong quá trình tố tụng anh Phạm Văn H trình bày*:

Anh và chị L cưới nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (huyện B, tỉnh B) vào ngày 22/11/2009. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc cùng đi buôn bán ở Đ, nhưng bị mất hết tiền nên vợ chồng cùng về quê vợ sinh sống, cha mẹ vợ cho một phần đất nhỏ cất nhà riêng ở, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 chuyện làm ăn của anh bị thất bại buồn quá nên anh mới bắt đầu đi nhậu nhiều hơn trước đây, vợ anh có khuyên anh nhiều lần nhưng vì xảy ra thêm chuyện anh gây thương tích cho người khác nên liên tục bị công an mời làm việc, buồn quá anh lại tiếp tục nhậu đến tháng 10/2016 thì anh đi chấp hành án tại trại giam C về tội "Cố ý gây thương tích", vợ anh cũng có đi thăm anh được vài lần nhưng sau đó không biết lý do vì sao vợ không đi thăm anh nữa, đến khi anh ra tù được 03 ngày thì vợ anh yêu cầu ly hôn, nhưng anh không đồng ý. Do anh còn thương vợ, đồng thời mới ra tù nên tâm lý của anh chưa ổn định, chưa chuẩn bị được tâm lý về việc ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Đào Thị Ngọc L.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Văn Ngọc Â, sinh ngày 16/7/2011, hiện cháu Ngọc Â đang sống với anh H. Trường hợp Tòa giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con chung, nếu con có nguyện vọng sống với anh thì anh sẽ nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, còn trường hợp con có nguyện vọng sống với chị L thì anh cũng đồng ý để con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần 2 nhưng tại Tòa anh H vẫn vắng mặc nên anh H đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Con chung: đề nghị giao cháu Phạm Văn Ngọc Â, sinh ngày 16/7/2011 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận việc anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn H vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh H cưới nhau vào năm 2009 hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (huyện B, tỉnh B) vào ngày 22/11/2009. Do đó, hôn nhân của chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Từ năm 2015 đến nay thì chị L và anh H sống ly thân. Trong quá trình tố tụng, anh H cũng xác định là cuộc sống của vợ chồng anh có xảy ra bất hòa vì chuyện làm ăn bị thất bại, từ đó anh sinh ra buồn chán rồi uống rượu nhiều, chị L có khuyên ngăn anh nhiều lần, có lần do nóng tính anh đã gây thương tích cho người khác dẫn đến việc anh bị phạt tù. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L về việc yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung Phạm Văn Ngọc Â, sinh ngày 16/7/2011. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con (yêu cầu này của anh H được chị L đồng ý) và anh H tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao cháu Â cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Ân, đồng thời ghi nhận việc anh H tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Đào Thị Ngọc L phải nộp, tuy nhiên do chị Đào Thị Ngọc L thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được xem xét miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Đào Thị Ngọc L ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Con chung: Anh Phạm Văn H có quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Ngọc Â, sinh ngày 16/7/2011. Ghi nhận việc anh H tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền đến thăm nom con chung. Vì lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đào Thị Ngọc L được miễn nộp tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B (B – B);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Lâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lớn** **Nguyễn Văn Thành** **Lê Văn Lâm**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B (B – B);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Lâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lớn** **Nguyễn Văn Thành** **Lê Văn Lâm**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An Đức (B – B);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Tùng**